TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2023/DS-PT
Ngày 17-8-2023
"V/v tranh chấp ranh đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Ông Đặng Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ô I, 4/40 khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ô I, 5/45 khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 102 KA, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 3 năm 2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1.

2. NLQ2.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 102 KA, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An

3. NLQ3.

4. NLQ4.

5. NLQ5.

6. NLQ6.

7. NLQ7.

8. NLQ8.

9. NLQ9.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông L, bị đơn ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ngày 25/02/2004, ông được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6-4, diện tích 95,5m^2, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất số 71 do cha là ông Nguyễn Ngọc Đ và mẹ là bà Phan Thị B1 cho khoảng năm 1989 (khi đó chưa làm thủ tục sang tên). Đến năm 1998, ông được các anh chị em làm bản thỏa thuận phân chia cho ông thửa đất số 71 và ông làm đơn kê khai xin cấp giấy, khi đó không có đo đạc.

Giáp ranh với thửa đất số 71 của ông là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của ông Nguyễn Văn T. Ranh giới giữa hai bên trước đây là trụ sở ấp văn hóa Nhà Dài cũ nằm trên thửa đất số 56 của ông T. Trụ sở ấp văn hóa không có vách nên nhờ vách nhà ông. Khi tháo dỡ trụ sở ấp văn hóa (không nhớ năm), mẹ ông T là bà Huỳnh Thị N1 (đã chết năm 2007) lúc đó là chủ sử dụng đất thửa 56 liền kề có xin ông cắm cây cột sang đất của ông để bán quán. Vị trí cắm cột ngay vách tường quán cơm của NLQ3 (chị ông T) hiện nay, ranh đầu dưới là ngay cây cột của nhà NLQ1.

Năm 2000, ông có yêu cầu bà N1 tháo dỡ quán trả đất nhưng bà N1 tháo không đúng diện tích ông yêu cầu. Ông có làm đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân thị trấn T đã giải quyết ngày 14/6/2001. Lúc đó, bà N1 không tham gia trực tiếp mà đã ủy quyền cho con trai là NLQ6 tham gia hòa giải. NLQ6 đã đồng ý dời cột vô 2,25 tấc để đo đạc nhưng khi chính quyền xuống đo thì phía bà N1 không đồng ý. Sau đó, ông L tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết bác đơn của ông bằng Quyết định số 252/QĐUB ngày 28/01/2002, giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp là mặt trước thửa 71 kích thước ngang 4,72m; mặt sau 5,7m; dài 14,78m. Ủy ban huyện Thủ Thừa đã giải quyết không đúng diện tích

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông có kích thước chiều ngang mặt trước là 5,41m; mặt sau là 5,47m.

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết khiếu nại tranh chấp giữa ông với bà N1 thì ông không có khiếu nại nữa và đã xây nhà mới hiện nay trên nền nhà cũ của cha ông để lại. Khi xây dựng nhà vào năm 2002, ông chừa ra 1 phần đất để hàng lu nước do bên nhà ông T làm dữ với ông. Hàng lu nước của ông bị bên gia đình ông T đập bể. Nhà của ông T xây dựng sau nhà ông khoảng nửa tháng. Khi xây nhà hai bên không tranh chấp. Ông không có khiếu nại tiếp do khi đó ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến năm 2016 ông mới tranh chấp ranh đất với ông T (do ông T đã được thừa kế thửa đất số 56). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 56 của bà N1, ông T không có ghi kích thước chiều ngang. Khi bà N1 chuyển quyền sử dụng đất cho ông T thửa 56 không có ký giáp ranh với các hộ xung quanh. Thửa đất số 71 hiện nay ông đang thế chấp cho Quỹ tín dụng thị trấn Thủ Thừa để vay tiền (thời hạn vay còn khoảng 2 năm.)

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (một phần vách và mái nhà của ông T) có trên phần đất ký hiệu khu O1 diện tích 1,4m^2, khu P1 diện tích 7,5m^2 và yêu cầu NLQ3 tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (vách và mái nhà tiền chế) có trên phần đất ký hiệu khu O2 diện tích 0,3m^2 , khu P2 diện tích 1,2m^2 để trả lại cho ông phần đất có ký hiệu khu P (gồm P1 + P2) diện tích 8,7m^2, khu O (gồm O1 + O2) diện tích 1,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú, thống nhất bản trích đo bản đồ địa chính và bản phân khu ngày 24/11/ 2020, ngày 29/12/2021 và thống nhất biên bản định giá ngày 11/7/2022 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Thủ Thừa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T do ông Đỗ Tiến S là người đại diện theo ủy quyền có lời trình bày như sau:

Ngày 13/01/2014, ông Nguyễn Văn T được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 56, diện tích 172,7m^2, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất do bà Huỳnh Thị N1 là mẹ ruột ông T cho. Khi ông T nhận chuyển quyền thửa đất số 56 chỉ sang tên chứ không ký giáp ranh, đo đạc do trước đó khi bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có đo đạc, ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất với các hộ xung quanh ngày 11/11/1997. Việc ông L nói bà N1 khi còn sống có xin ông L cắm cột để làm quán bán cơm là không có. Ranh giới giữa thửa đất số 56 của ông T và thửa đất số 71 của ông L là vách tường nhà của ông L. Năm 2002, khi ông L tranh chấp với bà N1 và bị Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa bác đơn khiếu nại, ông L mới xây dựng nhà như hiện nay. Khi ông L, ông T xây dựng nhà hai bên không có tranh chấp. Nhà của ông T xây dựng sau nhà ông L. Từ khi xây nhà cho đến nay, nhà ông T không có sửa chữa gì.

Phần đất khu B, O2, P2 ông T cho NLQ3 là chị ruột mượn để làm quán bán cơm. Phần mái che tiền chế làm quán cơm là do NLQ3xây dựng khoảng năm 2000 sau khi ông L xây nhà xong. Đến năm 2020, NLQ3 có sửa chữa quán do bị hư hỏng. Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L do phần đất tranh chấp khu O, P là thuộc quyền sử dụng của ông T và vợ là NLQ2. Nếu trường hợp ông L thắng kiện thì ông T sẽ tự tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc đã xây dựng có trên phần đất tranh chấp mà không yêu cầu ông L phải bồi thường hỗ trợ di dời.

Ngày 24/3/2017 ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện độc lập khởi kiện NLQ1: Ông T yêu cầu ông L, NLQ1 phải trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích chiều ngang 0,6m x chiều dài 3m = 1,8 m^2, đồng thời phải tháo dỡ tấm tường xây lấn và mái che lấn trên phần đất, thuộc một phần thửa 56 tờ bản đồ số 6-4 tọa lạc tại khu phố N, thị trấn T. Tại phiên tòa ông S rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu ông L trả 0,6m^2 theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2017.

Sau khi nhận bản trích đo ngày 17/7/2018 ông T có đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 yêu cầu NLQ1 trả lại phần đất đã xây lấn chiếm thuộc khu M, N, L và tháo dỡ phần mái che, sêno theo bản trích đo của Công ty đo đạc Hưng phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018.

NLQ1 trình bày: Ngày 09/11/1998, bà được Ủy ban nhân dân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở với diện tích sử dụng 64m^2 thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 6-4 tại Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa 55 bà mua của ông Nguyễn Ngọc Đ năm 1978 (cha ruột ông Nguyễn Hữu L).

Tại biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất ngày 03/7/1998 và trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/1998 được Sở Địa chính ký ngày 17/7/1998 đông giáp thửa 48 (nay là thửa 56) hộ bà Nguyễn Thị Nguyệt (con gái bà Huỳnh Thị N1, chị ông Nguyễn Văn T) trực tiếp ký ranh.

Ngày 30/11/1998 bà Nguyệt được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy phép số 429 nhà xây dựng một trệt một lầu, khung sàn bêtong cốt thép, mái lợp tol tráng kẽm. Diện tích xây dựng tầng trệt 4,7m x (10,2 + 10,6)/2 = 48,88m^2. Diện tích xây dựng tầng lầu 48,88m^2, sàn baccol 4,7m x1 = 4,7m^2 trên thửa đất giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Vào ngày 23/11/1998 NLQ1 mua thêm của ông L dài 2,5m x chiều ngang 6m với giá 6.250.000 đồng.

Theo bảng trích đo bản đồ địa chính của Công ty Hưng Phú, ông T cho rằng bà lấn chiếm khu M, N, L và phải tháo dỡ mái che. NLQ1 xác định không lấn chiếm đất của ông T. Trường hợp ông T được thắng kiện thì NLQ1 tự tháo dỡ mái che, sêno mà không cần yêu cầu bồi thường.

Vào ngày 31/10/2018 bà Mười có nộp đơn khởi kiện ông T yêu cầu trả lại cho bà khu J, K, M, N, L theo trích đo bản đồ của công ty đo đạc nhà đất Hưng phú. Tại phiên tòa NLQ1 rút lại toàn bộ đơn khởi kiện

NLQ1 thống nhất bản trích đo bản đồ địa chính ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa phê duyệt ngày 17/7/2018 và bản vẽ phân khu ngày 24/11/2020 và ngày 29/12/2021, thống nhất biên bản định giá ngày 11/7/2022.

Trước đây NLQ1 không đồng ý khu L, N là lối đi công cộng. Nhưng quá trình làm việc và thực tế lối đi đã được cộng đồng dân cư sử dụng làm lối đi theo tập quán ở địa phương nên thống nhất là khu N, L là lối đi công cộng mà không khiếu nại.

NLQ3 trình bày: Quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của ông T và NLQ2. NLQ3 chỉ mượn phần đất khu B, O2, P2 để làm quán cơm. Phần mái che tiền chế làm quán cơm là do NLQ3 xây dựng khoảng năm 2000 sau khi nhà ông L xây nhà xong. Đến năm 2020, NLQ3 có sửa chữa lại ngay vị trí quán cũ. Nếu trường hợp ông L thắng kiện thì NLQ3 sẽ tự tháo dỡ công trình kiến trúc đã xây dựng có trên phần đất tranh chấp mà không yêu cầu ông L, ông T bồi thường, hỗ trợ di dời gì.

NLQ4 trình bày: NLQ4 thống nhất với lời trình bày của ông L. Khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L thửa đất số 71 có kích thước cụ thể, có địa chính thị trấn Thủ Thừa đo đạc ông L mới đi kê khai đăng ký cấp giấy nên vợ chồng bà mới căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp để khởi kiện.

NLQ10 không có ý kiến gì về việc tranh chấp ranh đất giữa ông L, ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Áp dụng Điều 175 Bộ Luật dân sự 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông T về việc buộc ông T trả phần đất có ký hiệu khu P diện tích 8,7m^2, khu O diện tích 1,7m^2 và không chấp nhận yêu cầu của ông L buộc ông T tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất có ký hiệu khu O1 diện tích 1,4m^2 , khu P1 diện tích 7,5m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc NLQ3 tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất tranh chấp ký hiệu khu O2 diện tích 0,3m^2, khu P2 diện tích 1,2m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông L trả 0,6m^2 theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2017.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc yêu cầu ông T trả lại khu J, K, M, N, L theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2018.

Ông T, NLQ1 được quyền khởi kiện lại theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về lệ phí thẩm định, đo đạc, định giá: Ông L phải chịu toàn bộ là 15.500.000 đồng. Ông T phải chịu 5.500.000 đồng, NLQ1 phải chịu 1.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001932, ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002038, ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông T 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007502 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn ông L kháng cáo một phần bản án, yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022 bị đơn ông T kháng cáo một phần bản án, yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T với NLQ1. Buộc NLQ1 tháo dỡ tài sản mái che tại vị trí N, tường M1, M2-1, M2-2 phần sêno, tài sản trên không gian vì phần này thuộc thửa 56 do ông T đứng tên.

Nguyên đơn ông L trình bày: Nguồn gốc đất của ông bà để lại cho ông, trước đây ông bà để phần đất trên làm lối đi và đường thoát nước. Trước năm 2000 ông có khiếu nại đến Ủy ban để tranh chấp phần đất trên, sau khi được giải quyết ông không khiếu nại mà xây nhà trên nền nhà cũ, ông có chừa ra một phần diện tích đất để hàng lu chứa nước nhưng phí ông T ngăn cản. Thời điểm ông T xây bức tường sau ông, hai bên không tranh chấp. Ông L xác định diện tích đất tranh chấp vẫn là diện tích đất trước đây ông L khiếu nại đến Ủy ban đã được giải quyết giữ nguyên hiện trạng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi ông L được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì tiếp tục khởi kiện đến Tòa án. Ông T không có căn cứ để cho rằng phần diện tích đất của ông L nhiều hơn và ông T căn cứ vào đâu cho rằng phần diện tích đất của ông T bị thiếu. Vì vậy, yêu cầu ông T phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (một phần vách và mái nhà của ông T) có trên phần đất ký hiệu khu O1 diện tích 1,4m^2, khu P1 diện tích 7,5m^2 và yêu cầu bà Nguyệt tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (vách và mái nhà tiền chế) có trên phần đất ký hiệu khu O2 diện tích 0,3m^2 , khu P2 diện tích 1,2m^2 để trả lại cho ông phần đất có ký hiệu khu P (gồm P1 + P2) diện tích 8,7m^2, khu O

(gồm O1 + O2) diện tích 1,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú.

Bị đơn ông T do bà X đại diện ủy quyền có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông L, sau khi Ủy ban giải quyết khiếu nại ông L xây nhà và sau đó ông T xây nhà, hai bên không tranh chấp. Giáp ranh phần đất của ông L là tường nhà ông L. Theo mảnh trích đo diện tích đất của ông T nếu cộng thêm phần diện tích đất tranh chấp giữa ông L và NLQ1 thì vẫn còn thiếu rất nhiều so với giấy chứng nhận QSDĐ, trong khi diện tích đất của ông L nếu không bao gồm phần diện tích tranh chấp thì nhiều hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ được cấp.

Ông T yêu cầu NLQ1 tháo dỡ tài sản mái che tại vị trí N, tường M1, M2-1, M2-2 phần senno, mái che trên phần không gian vì phần này thuộc thửa 56 do ông T đứng tên. Phần tường và mái che NLQ1xây dựng sau này và khi đó ông T có can ngăn. Việc xây bức tường tại vị trí M1 đã làm ngăn cản lối đi ra phía sau nhà ông T, cản trở quá trình sửa chữa khi có nhu cầu.

NLQ4 có lời trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông L.

NLQ1 có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T. Đường ranh đất giữa nhà bà và ông T là của bà. Trước đó NLQ1 làm mái che quay tay nhưng sau đó nắng vào nhà nên bà mới làm mái che bằng tole (mái che tạm) phần che có đan xen vào nhà ông T nhưng đây là phần đất của NLQ1. Đối với bức tường ngăn cách giữa nhà NLQ1và nhà ông L có xây qua phần đất giáp ranh nhà ông T, NLQ1 xây dựng từ lâu và trên phần đất của NLQ1. Căn nhà NLQ1 xây dựng có xin giấy phép xây dựng. Hiện nay nhà và đất đã chuyển nhượng cho NLQ8, đã cập nhật sang tên tháng 3 năm 2023, NLQ8 đang quản lý sử dụng. Ông T không có căn cứ cho rằng diện tích đất của ông T thiếu, nếu phần tài sản nào của NLQ1 trên phần đất của ông T đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thì NLQ1 đồng ý tháo dỡ.

NLQ8 có đơn xin vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 24/5/2023 như sau: NLQ8 với NLQ9 đăng ký kết hôn năm 2017, đã được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử ly hôn vào ngày 10/5/2023, NLQ9 có lập cam kết về tài sản đối với nhà đất tại thửa đất 55 là tài sản riêng của NLQ8 được Văn phòng công chứng Thủ Thừa công chứng ngày 17/8/2022.

Ngày 07/4/2022, NLQ8 có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất của NLQ1 nên đã đặt cọc đối với diện tích sử dụng 64m^2 thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 6-4, tại Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, NLQ8 cũng đã nhận nhà sau khi đặt cọc. Đến ngày 17/8/2022, NLQ8 và NLQ1 ra Văn phòng công chứng Thủ Thừa để công chứng hợp đồng chuyển nhượng rồi NLQ8 và NLQ1 đi làm thủ tục sang tên giấy. Đến ngày 16/01/2023, NLQ8 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận hồ sơ chuyển nhượng sang tên NLQ8. Khi nhận chuyển nhượng thì NLQ8 không được NLQ1 thông báo đất này một phần bị tranh chấp. Đến khi Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa mời ra thì bà mới biết. Về yêu cầu phản tố của ông T đối với NLQ1 tháo dỡ các công trình và trả lại phần đất như Tòa án Thủ Thừa đã giải quyết thì NLQ1 không có ý kiến.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T thì NLQ8 là chủ sử dụng nhà và đất đồng ý tháo dỡ, NLQ8 sẽ thỏa thuận với NLQ1 đền bù thiệt hại sau, nếu không thỏa thuận được thì NLQ8 sẽ kiện NLQ1 bằng vụ án khác.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và Bị bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của ông L: Tại Công văn số 1585 của Ủy ban nhân dân thị trấn huyện Thủ Thừa xác định năm 2004 ông L được Ủy ban cấp thửa đất 71 không có đo đạc diện tích thực tế, năm 2005 bà N1 là mẹ của ông T được Ủy ban cấp thửa 56 có đo đạc xác minh diện tích thực tế, đến ngày 13/01/2014 ông T được hưởng di sản thừa kế và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ trọn thửa 56. Tại Quyết định số 252 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa đã bác đơn khiếu nại của ông L giữ nguyên hiện trạng, sau đó ông L không khiếu nai và tiến hành xây nhà trên nền nhà cũ, sau đó ông T xây nhà các bên không tranh chấp, sử dụng ổn định. Căn cứ vào mảnh trích đo thể hiện thửa 71 của ông L diện tích sử dụng nhiều hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ, đối với thửa 56 của ông T thể hiện diện tích chiều ngang ít hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ nên yêu cầu kháng cáo của ông L không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T: Năm 1998 NLQ1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa 55, nguồn gốc mua của ông Đ, hồ sơ có trích lục thửa đất. Năm 1998 NLQ1 được cấp giấy phép xây dựng nhà. Tại mảnh trích đo thể hiện vị trí N và L không phải là lối đi công cộng mà trước đây chỉ có hộ ông V1 đi, trong quá trình sử dụng NLQ1 có làm mái che, so với diện tích đất NLQ1 sử dụng thì ít hơn với giấy chứng nhận QSDĐ, tại vị trí N có diện tích 5,67m^2 nếu cộng vào thì phù hợp nên yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L và bị đơn ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST, ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn ông L và bị đơn ông T hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông L thấy rằng: Diện tích tranh chấp 10,4m^2 thuộc khu P (P1+ P2) diện tích 8,7m^2, khu O (O 1+ O 2) diện tích 1,7m^2 đồng thời ông L yêu cầu ông T phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất có ký hiệu khu O1 diện tích 1,4m^2 , khu P1 diện tích 7,5m^2. Ông L yêu cầu bà Nguyệt tháo dỡ tài sản trên khu O2 diện tích 0,3m^2, khu P2 diện tích 1,2m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và các Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020, ngày 29/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

[3.1] Phần đất tranh chấp theo ranh địa chính tại vị trí P diện tích 8,7m^2 do ông T đứng tên thuộc mpt 56, vị trí O diện tích 1,7m^2 do ông L đứng tên thuộc mpt 71, trong đó tại vị trí O1 có một phần nhà 2 của ông T diện tích 1,5m^2. Phần đất tại vị trí P và O ông L trình bày trước đây cho bà N1 (mẹ ông T) có xin ông cắm cây cột sang đất của ông để bán quán. Năm 2000 ông có yêu cầu bà N1 tháo dỡ quán trả đất nhưng bà N1 tháo không đúng diện tích ông yêu cầu. Ông có làm đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa đã giải quyết ngày 14/6/2001. NLQ6 đã đồng ý dời cột vô 22,5cm để đo đạc nhưng khi chính quyền xuống đo thì phía bà N1 không đồng ý. Sau đó, ông L tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết bác đơn tại Quyết định số 252/QĐ.UB ngày 28/01/2002, giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp là mặt trước thửa 71 kích thước ngang 4,72m; mặt sau 5,7m; dài 14,78m.

[3.2] Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết khiếu nại tranh chấp giữa ông L với bà N1 thì ông L không khiếu nại nữa và xây nhà mới hiện nay trên nền nhà cũ của cha ông để lại. Khi xây dựng nhà vào năm 2002, ông chừa ra 1 phần đất để hàng lu nước. Ông L cho rằng Ủy ban giải quyết khiếu nại chưa đúng nên tiếp tục khởi kiện tranh chấp để yêu cầu ông T trả lại phần đất trên. Tại Công văn số 1585/UBND-NC ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa xác định việc ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thửa số 71, diện tích 95,5m^2, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, Long An là không có đo đạc

[3.3] Bà Huỳnh Thị N1 (mẹ ruột ông T) được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56, diện tích là 172,7m^2, tọa lạc Khu phố N, thị trấn T, huyện T, Long An có đo đạc, xác minh thực tế, ký giáp ranh các hộ xung quanh. Ông Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 56 theo diện thừa kế, không có đo đạc. Tổng kích thước chiều ngang thửa đất số 71 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 và phần đất 0,3m ông L chừa ra làm lối đi công cộng như sau: Kích thước chiều ngang cạnh tiếp giáp Bờ kè sông Thủ Thừa là 4,75m + 0,3m + 0,7m (đất tranh chấp) = 5,75m; cạnh còn lại có kích thước 4,9m + 0,54m (phần đất tranh chấp) + 0,3m = 5,74m. Như vậy, kích thước chiều ngang thửa đất số 71 mà ông L xác định lớn hơn so với kích thước chiều ngang (cạnh 5,41m, cạnh 5,47m) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông L được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp; đồng thời lớn hơn kích thước cạnh

ngang (4,72m, 5,7m) theo Quyết định số 252/QĐUB ngày 28/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa.

[3.4] Về kích thước chiều ngang thực tế thửa đất số 56 của ông T cạnh tiếp giáp Bờ kè sông Thủ Thừa là 3,2m + 0,7m (phần đất tranh chấp) = 3,9m; cạnh còn lại có kích thước 3,2m + 0,54m (phần đất tranh chấp) = 3,74m. Như vậy, xét về kích thước chiều ngang thửa đất số 56 của ông T tính luôn cả phần đất tranh chấp vẫn thiếu so với kích thước chiều ngang (4,12m; 4,85m) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N1, ông T được cấp và đồng thời nhỏ hơn kích thước cạnh chiều ngang (4,07m, 4,3m) theo Quyết định số 252/QĐUB ngày 28/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa. Ông L và NLQ4 cho rằng trước đây bà N1 có xin ông L để cắm cột làm quán buôn bán và trong biên bản hòa giải ngày 14/6/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa thì NLQ6 đại diện bà Năm tham gia hòa giải đã đồng ý dời cột vô 22,5 cm để Ủy ban tiến hành đo đạc chứng tỏ phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông L.

[3.5] Xét thấy, trong biên bản ngày 14/6/2001 của Ủy ban thị trấn Thủ Thừa thể hiện ý kiến NLQ6 (đại diện bà N1) "thống nhất ý kiến của Ủy ban thị trấn Thủ Thừa, đồng ý dời cột vào 22,5 cm để Ủy ban qua đo đạc" chứ NLQ6 không xác định trả đất cho ông L 22,5 cm. Sau khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, hai bên vẫn tiếp tục tranh chấp. Ông L khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa và được giải quyết bằng Quyết định số 252/QĐ.UB ngày 28/01/2002 bác đơn khiếu nại của ông L giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất. Ông L không có khiếu nại hay khởi kiện tại Tòa án về tranh chấp ranh giới giữa thửa 71 của ông với thửa 56 của bà N1. Sau đó ông L xây nhà bê tông cốt thép vào năm 2002. Ông L xác định căn nhà hiện nay nằm trên thửa đất số 71 của ông L được xây dựng sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại. Khi ông L xây nhà, hai bên không có tranh chấp. Ông T xây nhà sau ông L nửa tháng. Như vậy, ranh giới đất giữa hai bên được xác định là vách tường nhà của ông L. Ông L cho rằng có chừa phần đất tranh chấp để hàng lu chứa nước và việc không xây nhà hết đất là do gia đình ông T ngăn cản nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của ông L không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông T: Ông T yêu cầu NLQ1 tháo dỡ mái che, seno, vật kiến trúc trên đất trả lại diện tích đất thuộc M (M1 0,85 m^2, khu M2-1 diện tích 0,15 m^2; khu M2-2 diện tích 0,3 m^2); Khu N diện tích 0,17m^2 theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa phê duyệt ngày 17/7/2018 và bản phân khu ngày 24/11/2020, ngày 29/12/2021.Trong đó vị trí M1 diện tích 0,85m^2 và M2-1 diện tích 0,15m^2, M2-2 diện tích 0,3m^2 thuộc mpt 56, mái che là 0,3m^2 tại vị trí M2-2 do ông T đứng tên, vị trí N có diện tích 0,17m^2 vị trí mái che 5 là 0,17m^2 thuộc thuộc mpt thửa 56.

[4.1] Ngày 09/11/1998 bà Mười được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích sử dụng 64m^2 thuộc thửa 55. Nguồn gốc thửa 55 mua của ông Nguyễn Ngọc Đ năm 1987 (cha ruột ông Nguyễn Hữu L). Tại biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất ngày 03/7/1998 và trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/1998 được Sở Địa chính

ký ngày 17/7/1997 đông giáp thửa 48 (nay là thửa 56) hộ NLQ3 (con gái bà Huỳnh Thị N1, chị ông Nguyễn Văn T) trực tiếp ký ranh.

[4.2] Theo công văn số 589/ UBND ngày 28/5/2021 của UBND thị Trấn Thủ Thừa trả lời cho Tòa án "phần đất có ký hiệu khu N không phải là lối đi công cộng". Ngày 14/6/2023 đại diện ủy quyền bị đơn ông T khiếu nại chú thích mảnh trích đo tại vị trí N là thuộc lối đi công cộng. Tại công văn số 726/CNVPĐKĐĐ ngày 25/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Thừa xác định vị trí N thuộc mpt thửa 56 do ông T đứng tên.

[4.3] Ngày 30/11/1998 bà Mười được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy phép số 429 nhà xây dựng một trệt một lầu, khung sàn bêtong cốt thép, mái lợp tol tráng kẽm. Diện tích xây dựng tầng trệt: 4,7m x (10,2 + 10,6)/2 = 48,88m^2. Diện tích xây dựng tầng lầu 48,88m^2, sàn baccol 4,7m x1 = 4,7m^2 trên thửa đất giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp tại vị trí N và M không thuộc quyền sử dụng của NLQ1, mà thuộc một phần thửa 56 thuộc quyền sử dụng của ông T. Như vậy, phần tài sản như mái che, sêno, một phần bức tường (tạm), cũng như một phần cây của mái tole đan xen vào phần nóc nhà của ông T không nằm trong thiết kế xây dựng (vì giấy phép xây dựng chỉ cấp phép trên phần đất mà bà Mười được đứng tên). Nên toàn bộ tài sản trên phần N, M từ mặt đất kéo lên không gian NLQ1 lấn qua có nghĩa vụ tháo dỡ để trả lại vị trí N và M cho ông T là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của ông T có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Trong quá trình giải quyết vụ án NLQ1 đã chuyển nhượng thửa 55 cho NLQ8 và toàn bộ tài sản trên đất, NLQ8 được cập nhật tên chủ quyền bất động sản vào ngày 16/3/2023. NLQ8 đồng ý tháo dỡ tài sản nếu Tòa tuyên buộc tháo dỡ, NLQ8 sẽ tự thỏa thuận với NLQ1 không yêu cầu trong vụ tranh chấp này, nếu không sẽ khởi kiện NLQ1 bằng vụ án khác nên cần tuyên buộc NLQ1 và NLQ8 có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ tài sản trên vị trí N, M từ mặt đất đến không gian để trả lại vị trí N, M cho ông T.

[5] Từ nhận định mục [3] không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông L, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận một phần.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, ông L được miễn vì thuộc trường hợp người cao tuổi. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Mười được miễn nộp án phí vì thuộc người cao tuổi.

[7] Về lệ phí thẩm định, đo đạc, định giá cấp sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận nên không phải chịu, bà Mười phải chịu toàn bộ 7.000.000 đồng. Bà Mười đã nộp 1.500.000 đồng, ông T đã nộp 5.500.000 đồng nên bà Mười có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T 5.500.000 đồng.

[8] Chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm ông T tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 218, 235, 244, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 175 Bộ Luật dân sự 2015;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L đối với ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Nguyễn Văn T trả phần đất có ký hiệu khu P diện tích 8,7m^2 (gồm khu P1 có diện tích 7,5m^2, khu P2 có diện tích 1,2m^2), khu O diện tích 1,7m^2 (gồm có khu O 1 diện tích 1,4m^2, khu O2 có diện tích 0,3m^2) và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu L buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất có ký hiệu khu O1 diện tích 1,4m^2 , khu P1 diện tích 7,5m^2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L về việc buộc NLQ3 tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất tranh chấp ký hiệu khu O2 diện tích 0,3m^2, khu P2 diện tích 1,2m^2.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu NLQ1 tháo dỡ mái che, sênô, vật kiến trúc trên đất và không gian trên phần đất tranh chấp thuộc khu M (M1 có diện tích 0,85m^2; khu M2-1 có diện tích 0,15m^2; khu M2-2 có diện tích 0,3m^2), khu N có diện tích 0,3m^2.

Vị trí tranh chấp theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020, ngày 29/12/2021của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu L trả 0,6m^2 theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2017.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại khu J, K, M, N, L theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2018.

Ông Nguyễn Văn T, NLQ1 được quyền khởi kiện lại theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự

6. Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu toàn bộ là 15.500.000 (mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng. NLQ1 phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng, ông Nguyễn Văn T đã nộp 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, NLQ1 đã nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Buộc NLQ1 hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu L và NLQ1 được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001932 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002038 ngày 31/3/2017 và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007502 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

8. Về chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng (đã nộp xong).

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0002666 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thửa, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lê Thị Bích Tuyền